

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Xử lý kết quả thanh việc chấp hành chính sách, pháp luật
trong công tác quản lý thu - chi tài chính và quản lý đầu tư,
xây dựng cơ bản tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 1017/TTT-TTKT ngày 25 tháng 5 năm 2026 và Kết luận thanh tra số 13/KL-TTT ngày 25 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thống nhất nội dung Kết luận số 13/KL-TTT ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong công tác quản lý thu - chi tài chính và quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc các nội dung của Kết luận thanh tra số 13/KL-TTT ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Chánh Thanh tra tỉnh.

Điều 2. Giao Chánh Thanh tra tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định xử lý kết quả thanh tra của Chủ tịch UBND tỉnh và Kết luận thanh tra của Chánh Thanh tra tỉnh đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh; Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBKT Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Lưu: VT, C3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Số: /KL-TTT

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2026

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành chính sách, pháp luật trong công tác quản lý
thu – chi tài chính và quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản
tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định.

Căn cứ Văn bản số 7564/UBND-NC ngày 05/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cho chủ trương Kế hoạch thanh tra năm 2026; Thực hiện Quyết định số 552/QĐ-TTT ngày 25/12/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh về thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong công tác quản lý thu – chi tài chính và quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định giai đoạn từ năm 2021-2025; từ ngày 05/01/2026 đến ngày 15/4/2026, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Công ty, xác minh tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 02/BC-ĐTT ngày 28/4/2026 của Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh Kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Thực hiện phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Định thành Công ty cổ phần được phê duyệt tại Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của UBND tỉnh Bình Định. Ngày 01/4/2015, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định (*sau đây gọi tắt là Công ty*), trong đó Nhà nước sở hữu 51% vốn điều lệ.

Chức năng nhiệm vụ của Công ty là quản lý sản xuất và kinh doanh nước sạch; quản lý, duy tu, nạo vét và xử lý chất thải hệ thống thoát nước; tư vấn lập dự án và thiết kế, thi công xây lắp, sửa chữa công trình cấp thoát nước và một số nhiệm vụ sản xuất kinh doanh khác. Hiện Công ty đang phục vụ cấp nước cho các khách hàng trên địa bàn 18 xã, phường và Khu công nghiệp Becamex thuộc xã Canh Vinh. Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số cán bộ công nhân viên công ty là 347 người. Cơ cấu tổ chức của công ty gồm: Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, ban điều hành, 05 phòng chuyên môn, 02 tổ đội sản xuất và 02 xí nghiệp trực thuộc.

Hàng năm, Công ty đều được Sở Tài chính tiến hành thẩm định và trình UBND tỉnh quyết định kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác quản lý thu - chi tài chính

1.1. Công tác quản lý vốn, tài sản

a) Quản lý, sử dụng vốn

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 124.108.000.000 đồng, trong đó, vốn góp của Nhà nước 63.295.080.000 đồng (*tỷ lệ 51%*), vốn góp của các cổ đông khác 60.812.920.000 đồng (*tỷ lệ 49%*). Từ khi thành lập công ty cổ phần đến nay, Công ty không tiến hành phát hành cổ phiếu tăng vốn. Công ty thực hiện đúng theo các quy định về quản lý và bảo toàn vốn.

b) Tài sản

Đvt: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Năm 2021					
1	Nguyên giá TSCĐ	759.484.306.914	17.566.491.282	1.254.217.347	775.796.580.849
2	Khấu hao TSCĐ	434.093.996.244	43.637.605.739	1.254.217.347	476.477.384.636
Năm 2022					
1	Nguyên giá TSCĐ	775.796.580.849	74.525.902.612	457.105.560	849.865.377.901
2	Khấu hao TSCĐ	476.477.384.636	44.469.373.812	457.105.560	520.489.652.888
Năm 2023					
1	Nguyên giá TSCĐ	849.865.377.901	60.004.546.205	4.425.579.982	905.444.344.124
2	Khấu hao TSCĐ	520.489.652.888	46.559.906.081	4.314.364.591	562.735.194.378
Năm 2024					
1	Nguyên giá TSCĐ	905.444.344.124	71.364.690.390	737.092.787	976.071.941.727
2	Khấu hao TSCĐ	562.735.194.378	50.624.404.560	671.869.128	612.687.729.810
Năm 2025					
1	Nguyên giá TSCĐ	976.071.941.727	36.459.889.596	20.654.834.002	991.876.997.321
2	Khấu hao TSCĐ	612.687.729.810	54.576.838.796	20.654.834.002	646.609.734.604

Qua kiểm tra, cho thấy: Công ty đã mở sổ sách kế toán theo dõi chi tiết từng loại tài sản cố định; thực hiện việc trích khấu hao tài sản cố định đúng theo quy định của pháp luật.

1.2. Công nợ phải thu, phải trả

a) Nợ phải thu

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Phải thu của khách hàng	11.796.587.412	12.601.524.698	15.053.954.967	12.480.697.764	14.103.055.970
Trả trước cho người bán	1.869.300.209	331.672.430	2.635.479.000	892.918.000	115.618.769
Phải thu khác	2.083.450.059	1.944.170.838	2.299.600.435	2.208.667.044	2.221.489.715
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(319.277.618)	(675.648.035)	(703.687.204)	(370.527.211)	(383.541.493)
Tổng cộng	15.430.060.062	14.201.719.931	19.285.347.198	15.211.755.597	16.056.622.961

Đơn vị đã mở sổ theo dõi chi tiết từng khoản công nợ; cuối niên độ kế toán đơn vị có tiến hành đối chiếu công nợ theo quy định.

b) Nợ phải trả

Đvt: đồng					
Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Vay và nợ ngắn hạn	16.831.550.000	16.620.337.000	17.867.038.000	18.436.421.000	7.539.901.321
Người mua trả tiền trước	379.084.895	60.605.101	149.473.493	219.192.224	1.462.474.594
Phải trả người bán	10.414.565.326	9.743.391.836	23.156.528.239	32.716.381.187	11.074.528.335
Phải trả người lao động	17.840.130.399	12.938.136.949	13.833.492.903	12.651.557.983	12.365.693.215
Các khoản phải trả khác	83.717.638.319	85.650.664.288	87.851.645.208	76.450.650.936	76.871.343.692
Thuế và các khoản phải nộp NN	2.363.549.226	3.397.441.321	3.595.604.373	2.363.136.263	6.126.238.756
Tổng cộng	131.546.518.165	128.410.576.495	146.453.782.216	142.837.339.593	115.440.179.913

Qua kiểm tra, cho thấy: Công ty có mở sổ sách kế toán chi tiết theo dõi từng đối tượng nợ phải trả. Tuy nhiên, Công ty có phát sinh khoản nợ phải trả dài hạn với số tiền 66.603.530.147 đồng chưa được xử lý do chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án (*nhận bàn giao từ Ban Quản lý dự án cấp nước và Vệ sinh thành phố Quy Nhơn*).

1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đvt: đồng					
Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
DT bán hàng, CCDV	222.826.294.214	260.776.674.925	273.079.975.249	285.233.545.300	310.557.979.700
Các khoản giảm trừ	30.544.420	21.744.544	34.684.159	8.392.500	1.738.704
Doanh thu thuần	222.795.749.794	260.754.930.381	273.045.291.090	285.225.152.800	310.556.240.996
Giá vốn hàng bán	138.868.534.832	149.758.218.928	163.898.119.787	184.112.670.967	205.744.134.201
Lợi nhuận gộp	83.927.214.962	110.996.711.453	109.147.171.303	101.112.481.833	104.812.106.795
Doanh thu HĐTC	533.109.611	1.164.550.821	1.627.491.525	877.329.300	697.291.025
Chi phí tài chính	4.138.397.140	3.788.520.282	2.948.069.098	2.280.955.100	1.999.782.223
Chi phí bán hàng	29.407.958.574	28.291.533.759	30.799.252.873	35.640.879.308	37.081.924.602
Chi phí QLDN	19.517.048.453	24.248.752.789	22.944.148.604	22.547.434.460	22.237.645.212
Lợi nhuận thuần	31.396.920.406	55.832.455.444	54.083.192.253	41.520.542.265	44.190.045.783

Qua kiểm tra, từ năm 2021-2025 cho thấy: Công ty đã hạch toán đầy đủ các khoản doanh thu, chi phí đảm bảo theo quy định. Kết quả hoạt động sản xuất hàng năm đều hoàn thành và vượt kế hoạch được giao.

1.4. Thực hiện nghĩa vụ Ngân sách Nhà nước

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Thuế GTGT	2.711.347.443	2.860.725.748	1.877.971.098	2.898.085.526	3.603.973.350
Thuế GTGT (thu và nộp hộ giá DVTN)	3.349.117.278	2.914.884.164	3.304.881.797	4.495.890.011	5.500.751.053
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.310.880.027	10.344.307.577	11.329.282.679	10.308.668.234	5.376.991.090
Thuế thu nhập cá nhân	240.082.312	1.976.882.756	198.092.870	641.475.780	1.304.360.876
Thuế tài nguyên	3.106.952.010	3.308.838.840	4.186.407.000	4.158.100.250	3.796.302.750
Phí BVMT đối với NTSH	2.830.528.922	3.737.951.091	4.206.788.265	3.784.484.314	4.706.491.232
Lệ phí môn bài	5.000.000	5.000.000	4.000.000	5.000.000	5.000.000
Tiền cấp quyền KTTN nước	464.309.900	485.868.500	508.076.500	519.072.500	533.148.500
Cổ tức thuộc phần vốn NN	3.797.704.800	4.747.131.000	5.696.557.200	16.140.245.400	6.962.458.800
Tổng cộng	22.815.922.692	30.381.589.676	31.312.057.409	42.951.022.015	31.789.477.651

Qua kiểm tra, cho thấy: Công ty đã kê khai và nộp các loại thuế kịp thời, đúng quy định.

1.5. Kiểm tra một số hồ sơ miễn tiền thuê đất; khai thác tài nguyên nước các bãi giếng thuê

a) Việc miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng bãi giếng thôn Thế Thạnh và bãi giếng Bắc sông Hà Thanh

Ngày 19/10/2016, Bên A (*Bên cho thuê*): Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định và Bên B (*Bên thuê*): Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Bình Định ký Hợp đồng thuê tài sản số 693/HĐ, tại Điều 2. Tài sản thuê và mục đích sử dụng, như sau: *Bên A đồng ý cho thuê và Bên B đồng ý thuê các tài sản thuộc quyền sở hữu của Bên A nằm trên các Khu đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Bên A như sau: a) Các tài sản trên các khu đất xây dựng các giếng khoan khai thác: (i) Bãi giếng Bắc sông Hà Thanh, thuộc khu vực thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định: các giếng G11, G7 (G7B), G6, G6B, G8, G8B, G2B (G3, G3B), G2, G9 (G9B), G10 (G10B); (ii) Bãi giếng thuộc thôn Thế Thạnh, khu vực Phú Tài, thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định: các giếng B2KT, B3KT, B4KT (B4AKT). Và đồng bộ máy bơm chìm khai thác nước ngầm, ống công nghệ dẫn nước thô, hệ thống cấp điện, nhà trạm bơm, hàng rào cổng ngõ và các tài sản khác trên khu đất xây dựng giếng khoan; b) Tuyến ống dẫn nước thô từ các giếng về đến khu đất xây dựng Nhà máy xử lý nước, bao gồm cả các phụ tùng trên tuyến ống; c) Hệ thống điện trung thế, trạm biến áp, ...; Mục đích sử dụng: Khai thác nước thô từ các Giếng khoan khai thác đưa về Nhà máy xử lý nước Hà Thanh để xử lý thành nước sạch cung cấp cho bên A theo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch.*

Tại Phụ lục số 02 Biên bản kiểm kê và bàn giao tài sản (kèm theo Hợp đồng thuê tài sản số 693/HĐ ngày 19/10/2016) hai bên thống nhất bàn giao tài sản tại

hiện trường đúng với danh mục tài sản cho thuê: A) Tuyến ống cấp nước và tài sản khác (16 hạng mục); B) Trạm biến áp (08 hạng mục tại các giếng khoan); C) Các Trạm giếng: có 08 giếng, cụ thể: (I) Giếng G2: tổng diện tích đất 5.160m²; (II) Giếng G3: tổng diện tích 8.817m²; (III) Giếng G6: tổng diện tích đất 1.800m²; (IV) Giếng G7: tổng diện tích 4.199 m²; (V) Giếng G8: tổng diện tích 1.704 m²; (VI) Giếng G9: tổng diện tích 2.470 m²; (VII) Giếng G10: tổng diện tích 2.550 m²; (VIII) Giếng B2KT+B3KT+B4KT+B4A: tổng diện tích 4.815,6 m²; và các công trình vật kiến trúc như nhà trực, tường rào, máy bơm, bể giếng, đường ống, ... Như vậy, Hợp đồng chỉ thuê tài sản nhưng thực chất biên bản bàn giao tài sản kê cả diện tích đất và các công trình vật kiến trúc tại các trạm giếng cho thuê này cho bên thuê quản lý, sử dụng.

Ngày 16/01/2019, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 168/QĐ-UBND và Quyết định số 166/QĐ-UBND về việc cho công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định chuyển từ hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất đối với các khu đất đang sử dụng (*đối với các trạm giếng này*);

Ngày 12/8/2019, Cục Thuế tỉnh Bình Định ký Quyết định số 1288/QĐ-CT miễn tiền thuê đất với diện tích 39.925,5 m²; trong đó: có 29.977,54m² đất xây dựng các bãi giếng G11, G7 (G7B), G6, G6B, G8, G8B, G2B (G3, G3B), G2, G9 (G9B), G10 (G10B) thuộc giếng khoan khai thác nước Bắc sông Hà Thanh; thời gian thuê 50 năm (*từ tháng 7/2014 – 6/2064*) tương ứng với số tiền được miễn đối với các bãi giếng này là 9.136.808.500 đồng. Ngày 20/8/2019, Cục Thuế tỉnh Bình Định ký Quyết định số 1343/QĐ-CT miễn tiền thuê đất với diện tích 47.058,1m² ; trong đó: có 4.815,6m² đất xây dựng bãi giếng B2KT, B3KT, B4KT (B4AKT) thuộc thôn Thê Thạnh, khu vực Phú Tài, thành phố Quy Nhơn (cũ), thời gian thuê 50 năm (*từ tháng 7/2014 – 6/2064*) tương ứng với số tiền được miễn là 781.480.384 đồng. Như vậy, tổng số tiền thuê đất được miễn đối với các bãi giếng cho thuê này là: **9.918.288.884 đồng** (*=9.136.808.500 đồng + 781.480.384 đồng*); Lý do miễn tiền thuê đất: theo điểm i khoản 1 Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “*Đất xây dựng công trình cấp nước bao gồm: Công trình khai thác, xử lý nước, đường ống và công trình trên mạng lưới đường ống cấp nước và các công trình hỗ trợ quản lý, vận hành hệ thống cấp nước (nhà hành chính, nhà quản lý, điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị)*”;

Căn cứ vào Văn bản số 3464/SNNMT-QLĐĐ ngày 07/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường: *Trước đây, theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, Công ty được giao đất không thu tiền sử dụng đất. Nay theo quy định tại Điều 54 và 56 Luật Đất đai năm 2013, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định thuộc đối tượng phải thuê đất. UBND tỉnh đã có Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 16/01/2019, Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 chuyển từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất trả tiền thuê hàng năm. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định cho Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Bình Định thuê tài sản trên khu đất xây dựng các giếng khoan khai thác nước ngầm là ngày 19/10/2016. Điều 173, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013, quy định: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định đang sử dụng các khu đất nêu trên theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất thì Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình*

Định chỉ được quyền chung theo Điều 166 Luật Đất đai năm 2013 không có quyền cho thuê tài sản gắn liền với đất.

Đồng thời, ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 3048/STNMT-QLĐĐ ngày 27/3/2026, nêu: Hành vi cho thuê hạng mục làm giếng bơm nước nhằm tìm kiếm lợi nhuận (kinh doanh dịch vụ) thuộc trường hợp phải chuyển mục đích sử dụng đất từ đất sử dụng vào mục đích công cộng theo điểm e khoản 2 Điều 9 Luật Đất đai năm 2024 sang nhóm “Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp” theo điểm đ khoản 3 Điều 9 Luật Đất đai năm 2024: “Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, gồm: đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản”. Việc chuyển mục đích sử dụng đất được quy định tại Điều 121 Luật Đất đai 2024.

Căn cứ vào theo Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ được sửa đổi bởi khoản 5 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ, quy định: “*Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định này chỉ được thực hiện trực tiếp với đối tượng được Nhà nước cho thuê đất và tính trên số tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định này*”.

Căn cứ khoản 7 Điều 18 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định: “*Trường hợp người thuê đất, thuê mặt nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Nghị định này nhưng trong quá trình quản lý, sử dụng đất không đáp ứng các điều kiện để được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước có nguyên nhân từ phía người thuê đất hoặc **sử dụng đất không đúng mục đích đã được ghi tại quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất** nhưng không thuộc trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai thì phải thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền thuê đất đã được miễn, giảm và tiền chậm nộp tính trên số tiền thuê đất được miễn, giảm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế*”.

Như vậy, tại thời điểm ký hợp đồng số 693/HĐ ngày 19/10/2016, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định vẫn đang được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất được quy định các quyền sử dụng đất tại Điều 166, Điều 173 Luật Đất đai năm 2013 (*không có quyền cho thuê tài sản gắn liền trên đất*). Do đó, việc ký hợp đồng cho thuê tài sản (*các bãi giếng theo Hợp đồng số 693/HĐ ngày 19/10/2016*) này không đúng quy định của pháp luật, thực tế tài sản này gắn liền với đất nên việc cho thuê tài sản gắn liền với đất (*hình thức cho thuê lại đất*); hơn nữa, từ khi cho Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Bình Định thuê đến nay Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định không quản lý, sử dụng đối với diện tích đất tại các bãi giếng này, đơn vị sử dụng tài sản và đất trực tiếp là Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Bình Định.

Ngày 07/4/2026, Thanh tra tỉnh có Văn bản số 618/TTT-TTKT về việc đề nghị Sở Tài chính nêu căn cứ đề xuất UBND tỉnh Bình Định đồng ý theo phương án cho thuê tài sản (*tại Văn bản số 2595/UBND-KTN ngày 10/6/2015 theo đề xuất*

Sở Tài chính tại Văn bản số 1558/STC-TCND ngày 27/5/2015); Ngày 20/4/2026, Sở Tài chính có Văn bản số 3588/STC-DNKTĐT có ý kiến như sau: căn cứ theo đề nghị của Hội đồng quản trị Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp, việc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định cho thuê tài sản không thuê đất là phù hợp quy định pháp luật tại thời điểm. Qua rà soát, Đoàn thanh tra nhận thấy: chưa đủ cơ sở để đề xuất việc cho thuê tài sản nêu trên; việc cho thuê tài sản gắn liền với đất, phải căn cứ pháp luật chuyên ngành (Luật Đất đai năm 2013) và việc cho thuê này đã làm thay đổi sang mục đích kinh doanh. Việc cho thuê này làm thay đổi mục đích sử dụng đất, chủ thể sử dụng đất, vi phạm các Quyết định số 168/QĐ-UBND và Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc cho công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định chuyển từ hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất đối với các khu đất đang sử dụng (đối với các bãi giếng này).

Căn cứ các lý do nêu trên, Đoàn thanh tra xác định Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định không đủ điều kiện miễn tiền thuê đất theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Cụ thể: Tổng số tiền thuê đất được miễn từ 01/7/2014 đến 30/6/2064 (các bãi giếng cho thuê theo 02 quyết định của Cục Thuế tỉnh Bình Định) là 9.918.288.884 đồng; Tổng số tiền không được miễn từ tháng 10/2016 đến 12/2026 phải thu hồi là: 1.972.889.464 đồng; Tổng số tiền thuê đất không được miễn từ tháng 01/2027 đến 12/2064 là 7.945.399.420 đồng, Công ty có trách nhiệm kê khai nộp tiền thuê đất theo quy định.

b) Việc khai thác tài nguyên nước đối với các bãi giếng cho Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Bình Định thuê

Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác tài nguyên nước cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định (tại Giấy phép khai thác nước dưới đất số 136/GP-BTNMT và số 137/GP-BTNMT ngày 22/01/2008: thời hạn khai thác 10 năm và gia hạn tại các Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 674/GP-BTNMT và số 674/GP-BTNMT ngày 21/3/2019); Thực hiện theo Điều 7 Hợp đồng dự án số 01/2016/HĐ-BOO ngày 28/01/2016 và Điều 4 Hợp đồng thuê tài sản số 693/HĐ ngày 19/10/2016. Theo đó, kể từ sau thời điểm bàn giao tài sản, Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Bình Định khai thác tài nguyên nước dưới đất để phục vụ công tác sản xuất nước sạch.

Việc Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Bình Định khai thác tài nguyên nước tại các bãi giếng thuê này vi phạm khoản 2 Điều 52 Luật Tài nguyên nước năm 2012, quy định: “*Tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ...*”, khoản 1 Điều 52 Luật Tài nguyên nước năm 2023 và hành vi bị nghiêm cấm khai thác tài nguyên nước khi chưa được cấp Giấy phép khai thác quy định tại khoản 8 Điều 9 Luật Tài nguyên nước năm 2012 và khoản 4 Điều 8 Luật Tài nguyên nước năm 2023.

1.6. Việc trích lập, sử dụng các quỹ; Chia cổ tức, lợi nhuận

Phân phối lợi nhuận sau thuế trong kỳ được xác định cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐVT: đồng)				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Lợi nhuận sau thuế	26.914.959.380	45.408.953.327	45.020.989.183	35.904.572.211	38.032.120.856
2	Phân phối lợi nhuận sau thuế	22.765.579.690	29.258.218.420	45.020.989.183	35.904.572.211	38.032.120.856
2.1	Quỹ Đầu tư phát triển	2.691.495.938	4.540.895.333	13.048.093.183	10.771.372.000	11.410.000.000
2.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.765.983.752	13.547.603.087	15.218.316.000	11.481.320.211	11.108.620.856
2.2.1	<i>Quỹ phúc lợi</i>	4.306.393.501	5.419.041.235	12.174.652.800	9.185.056.169	8.886.620.856
2.2.2	<i>Quỹ khen thưởng</i>	6.459.590.251	8.128.561.852	3.043.663.200	2.296.264.042	2.222.000.000
	- <i>Quỹ khen thưởng người lao động</i>	6.163.382.251	7.810.811.852	2.707.225.200	1.982.632.042	1.732.745.000
	- <i>Quỹ khen thưởng người quản lý</i>	296.208.000	317.750.000	336.438.000	313.632.000	489.255.000
2.3	Quỹ chia cổ tức	9.308.100.000	11.169.720.000	16.754.580.000	13.651.880.000	15.513.500.000
	Tỷ lệ/VĐL (%)	7,5	9,00	13,50	11,00	12,50
	<i>Trong đó:</i>					
	Cổ tức phần vốn Nhà nước	4.747.131.000	5.696.557.200	8.544.835.800	6.962.458.800	7.911.885.000

Qua thanh tra cho thấy, Công ty đã thực hiện việc trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định. Tuy nhiên, từ năm 2020 đến năm 2023, sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức, Công ty không phân phối hết lợi nhuận mà trích để lại, lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2023 là 25.042.881.569 đồng. Như vậy việc Công ty không thực hiện chia hết cổ tức đối với phần lợi nhuận còn lại là không đúng quy định tại điểm a khoản 17 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ. Năm 2024, Công ty đã báo cáo UBND tỉnh và xử lý xong việc phân phối toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối này.

1.7. Chấp hành Luật Kế toán và chế độ kế toán

Công ty thực hiện chế độ kế toán theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Việc lập, lưu trữ chứng từ kế toán chặt chẽ, đầy đủ; hạch toán kế toán cơ bản phản ánh trung thực, ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; mở đầy đủ các loại sổ kế toán chi tiết, tổng hợp theo quy định.

2. Công tác quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản tại Công ty

Đoàn thanh tra đã kiểm tra 13 công trình, dự án do Công ty làm chủ đầu tư, với tổng mức đầu tư được phê duyệt 172.684.726.166 đồng, tổng giá trị xây lắp hoàn thành 109.128.069.915 đồng. Qua kiểm tra, có 08/13 công trình vi phạm do dự toán tính sai khối lượng, áp sai mã công việc, nghiệm thu, thanh toán không đúng theo thực tế thi công với số tiền **256.249.000 đồng** (*Phụ lục số 01*). Kết quả cụ thể như sau:

- Về trình tự thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản: Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện cơ bản theo các quy định tại Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

- Về hồ sơ thiết kế, dự toán công trình: Một số công trình khối lượng lập dự toán bóc tách từ hồ sơ thiết kế chưa chính xác còn sai số học; áp dụng mã định mức công tác trùng lặp với thành phần công việc của công tác khác làm tăng giá trị dự toán công trình.

- Công tác thẩm tra thiết kế, dự toán: Đơn vị tư vấn thẩm tra không phát hiện được sai sót trong việc lập thiết kế - dự toán của đơn vị tư vấn thiết kế, dự toán dẫn đến thẩm tra chưa chính xác, làm tăng giá trị dự toán công trình.

- Việc đàm phán, thương thảo hợp đồng chưa được các bên chú trọng; các công trình, dự án sử dụng khối lượng, đơn giá trúng thầu để ký kết hợp đồng, dẫn đến chưa phát hiện những sai sót trong khối lượng ký kết hợp đồng.

- Giám sát thi công một số công trình chưa phát hiện sai khác về khối lượng, thực tế thi công so với hồ sơ thiết kế được duyệt để điều chỉnh khi nghiệm thu.

- Về công tác lập hồ sơ chất lượng công trình, hồ sơ hoàn công: Nhật ký thi công công trình ghi còn chung chung, chưa phản ánh đầy đủ nhân lực, loại thiết bị xe máy, biện pháp thi công các hạng mục công tác.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Qua thanh tra tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định cho thấy: Trong những năm qua mặc dù gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, sự phối hợp, hướng dẫn của các sở, ngành, sự cố gắng của tập thể lãnh đạo và toàn thể công nhân viên Công ty đã nỗ lực hoàn thành và vượt kế hoạch được cấp trên giao, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Giai đoạn 2021 – 2025, tiềm lực cung cấp nước sạch của đơn vị cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn. Công ty đã có nhiều giải pháp tích cực, nâng cao hiệu quả hoạt động như tăng cường công tác kiểm tra mục đích sử dụng nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước sạch, thực hiện chuyển đổi số, tinh gọn bộ máy, tiết giảm chi phí quản lý... Công ty thực hiện quyết toán và nộp thuế đầy đủ, đúng quy định.

2. Một số khuyết điểm, vi phạm

Bên cạnh những kết quả đạt được, qua thanh tra tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định vẫn còn một số khuyết điểm, vi phạm như sau:

2.1. Công tác quản lý thu - chi tài chính

- Công ty có phát sinh khoản nợ phải trả dài hạn tồn nhiều kỳ với số tiền 66.603.530.147 đồng chưa được xử lý do chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án.

- Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định không đủ điều kiện miễn tiền thuê đất theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP

ngày 15/5/2014 của Chính phủ đối với các bãi giếng cho Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Bình Định thuê theo 02 quyết định của Cục thuế tỉnh Bình Định là 9.918.288.884 đồng; Tổng số tiền không được miễn từ tháng 10/2016 đến 12/2026 phải thu hồi là: 1.972.889.464 đồng; Tổng số tiền thuê đất không được miễn từ tháng 01/2027 đến 12/2064 là 7.945.399.420 đồng, Công ty có trách nhiệm kê khai nộp tiền thuê đất theo quy định.

- Từ năm 2020 đến năm 2023, Công ty không phân phối hết lợi nhuận mà trích để lại, lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2023 là 25.042.881.569 đồng vi phạm tại điểm a khoản 17 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ. Năm 2024, Công ty đã báo cáo UBND tỉnh và xử lý xong việc phân phối toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối này.

- Việc Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Bình Định khai thác tài nguyên nước tại các bãi giếng thuê này vi phạm tại khoản 8 Điều 9, khoản 2 Điều 52 Luật Tài nguyên nước năm 2012 và khoản 4 Điều 8, khoản 1 Điều 52 Luật Tài nguyên nước năm 2023.

2.2. Công tác quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản

Kết quả kiểm tra có 08/13 công trình do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định làm chủ đầu tư có khuyết điểm, vi phạm với số tiền **256.249.000 đồng**. *(trong đó: có 02 công trình: (1) Mở rộng mạng lưới cấp nước sinh hoạt phường Nhơn Hưng và (2) Mở rộng mạng lưới cấp nước sinh hoạt phường Nhơn Hưng năm 2021 ngân sách nhà nước hỗ trợ 45% chi phí xây lắp và thiết bị);* những khuyết điểm, vi phạm cụ thể:

- Về hồ sơ thiết kế, dự toán công trình: Một số khối lượng lập dự toán bóc tách từ hồ sơ thiết kế chưa chính xác còn sai số học; áp dụng mã định mức công tác trùng lặp với thành phần công việc của công tác khác làm tăng giá trị dự toán công trình là vi phạm trách nhiệm về chất lượng thiết kế xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

- Công tác thẩm tra thiết kế, dự toán: Đơn vị tư vấn thẩm tra không phát hiện được sai sót trong việc lập thiết kế - dự toán của đơn vị tư vấn thiết kế, dự toán dẫn đến thẩm tra chưa chính xác, làm tăng giá trị dự toán công trình là vi phạm trách nhiệm về kết quả thẩm tra quy định tại khoản 6 Điều 82 Luật Xây dựng năm 2014, khoản 4 Điều 35 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

- Việc đàm phán, thương thảo hợp đồng chưa được các bên chú trọng; các công trình, dự án sử dụng khối lượng, đơn giá trúng thầu để ký kết hợp đồng, dẫn đến chưa phát hiện những sai sót trong khối lượng ký kết hợp đồng.

- Giám sát thi công một số công trình chưa phát hiện sai khác về khối lượng, thực tế thi công so với hồ sơ thiết kế được duyệt để điều chỉnh khi nghiệm thu là vi phạm quy định về quản lý khối lượng thi công xây dựng quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

- Về công tác lập hồ chất lượng công trình, hồ sơ hoàn công: Nhật ký thi công công trình ghi còn chung chung, chưa phản ánh đầy đủ nhân lực, loại thiết bị xe máy, biện pháp thi công các hạng mục công tác là chưa đảm bảo về nội dung

nhật ký thi công xây dựng quy định tại Phụ lục IIA ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

Những khuyết điểm, vi phạm nêu trên, trách nhiệm chính thuộc về lãnh đạo Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định và các tập thể, cá nhân có liên quan trong giai đoạn từ 2021-2025 và các đơn vị tư vấn, đơn vị thi công có liên quan.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 25/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Xét tính chất, mức độ khuyết điểm, vi phạm trong công tác quản lý thu - chi tài chính và quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, Chánh Thanh tra tỉnh kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh xử lý như sau:

1. Đối với Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định

Yêu cầu Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

a) Tổ chức kiểm điểm nghiêm túc đối với các tập thể, cá nhân có liên quan đến những khuyết điểm, vi phạm, đồng thời có biện pháp khắc phục những tồn tại như Kết luận thanh tra đã nêu, kịp thời chấn chỉnh công tác quản lý thu - chi tài chính và quản lý đầu tư xây dựng cơ bản đi vào nề nếp; thực hiện đúng các quy định của Nhà nước, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả.

b) Có trách nhiệm thu đầy đủ số tiền **1.994.024.164 đồng** và nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh Gia Lai, số hiệu tài khoản 3949.0.1047496.00000 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XV, cụ thể như sau:

+ Số tiền 21.134.700 đồng do thanh toán không đúng quy định của 02 công trình có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (*46.966.000 đồng x 45% phần Ngân sách nhà nước hỗ trợ 02 Công trình mở rộng mạng lưới cấp nước sinh hoạt phường Nhơn Hưng và Công trình mở rộng mạng lưới cấp nước sinh hoạt phường Nhơn Hưng năm 2021*).

+ Số tiền 1.972.889.464 đồng do không được miễn tiền thuê đất (*từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 12 năm 2026*) của các bãi giếng cho thuê.

c) Giảm trừ giá trị quyết toán dự án hoàn thành với số tiền 235.114.300 đồng (*06 công trình: sử dụng nguồn vốn của Công ty và 02 công trình: 55% vốn công ty*) do nghiệm thu, thanh toán không đúng quy định.

d) Khẩn trương xử lý khoản nợ phải trả dài hạn với số tiền 66.603.530.147 đồng (trên Tài khoản 3388) theo đúng quy định.

đ) Chỉ đạo các đơn vị liên quan hoàn thiện một số thiếu sót về hồ sơ chất lượng công trình, bản vẽ hoàn công và sửa chữa, khắc phục các trụ BTCT đỡ ống Inox qua cầu Cẩm Tiên 2 để đảm bảo cấp nước ổn định cho người dân như nội dung kiểm tra đã nêu; Chấn chỉnh, lựa chọn các đơn vị tư vấn có kinh nghiệm, năng lực thực hiện đảm bảo theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đối với Sở Tài chính

Nghiêm túc kiểm điểm đối với các tập thể và cá nhân có liên quan đến việc đề xuất UBND tỉnh phương án cho thuê tài sản đối với các bãi giếng nêu trên (*tại Văn bản số 1558/STC-TCND ngày 27/5/2015 của Sở Tài chính Bình Định*).

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định điều chỉnh Hợp đồng số 693/HĐ ngày 19/10/2016 theo đúng quy định và hướng dẫn Công ty xử lý khoản nợ phải trả dài hạn với số tiền 66.603.530.147 đồng (trên Tài khoản 3388) theo đúng quy định.

3. Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường

Kiểm tra, rà soát việc khai thác tài nguyên nước dưới đất của Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Bình Định không đúng quy định tại các bãi giếng thuê nêu trên; đồng thời có biện pháp xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Đối với Thuế tỉnh

Ban hành các quyết định hủy một phần 02 quyết định miễn tiền thuê đất không đúng nêu trên (*Quyết định số 1288/QĐ-CT ngày 12/8/2019 và Quyết định số 1343/QĐ-CT ngày 20/8/2019 của Cục Thuế tỉnh Bình Định*); đồng thời, tính tiền thuê đất các năm còn lại đối các bãi giếng của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định cho Công ty TNHH MTV Cấp nước Senco Bình Định thuê.

5. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh

Chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo chức năng quản lý của mình tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát; chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ nhằm giúp đưa công tác quản lý thu – chi tài chính và quản lý đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định và các đơn vị trên địa bàn tỉnh đi vào nề nếp và đúng theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong công tác quản lý thu - chi tài chính và quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định giai đoạn từ năm 2021-2025. Thanh tra tỉnh kính báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- UBKT Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- CTT, các PCTT tỉnh;
- Cty CP CTN Bình Định (*th/hiện*);
- Các Sở: Tài chính; NN và MT;
- Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, TTKT, HSTT.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Nguyễn Thanh Hải